

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 - 2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Quốc Hòa

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham
gia phiên tòa:** Ông Bùi Quang Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Duy K, sinh năm 1986 (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Kim Th, sinh năm 1988 (vắng mặt)

- *Người có quyền và lợi ích cần bảo vệ:* Cháu Lê Thị Kim A, sinh ngày 13/5/2010; Cháu Lê Thị Bảo Ng, sinh ngày 26/01/2015.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã, huyện PR, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Lê Duy K trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Ông K và bà Th tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 23/9/2009 tại UBND xã B, huyện PL (nay là huyện PR), tỉnh Bình Phước, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Từ tháng 10/2019 đến nay vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Th lừa dối chồng con, ngoại tình, bất đồng quan điểm sống cũng như việc làm ăn kinh tế gia đình dẫn

đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp được. Mâu thuẫn lên tới đỉnh điểm dẫn đến vợ chồng ly thân, không còn chung sống với nhau nữa, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù gia đình nội ngoại hai bên biết và khuyên ngăn nhưng vợ chồng vẫn không có giải pháp gì khắc phục được, không thể đoàn tụ được nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông K đề nghị Tòa án được ly hôn với bà Th.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, ông K và bà Th có 02 con chung là cháu Lê Thị Kim A, sinh ngày 13/5/2010; cháu Lê Thị Bảo Ng, sinh ngày 26/01/2015. Kể từ khi ly thân đến nay, các cháu đang sống với ông K và bố mẹ ruột của ông K tại thôn Phước Tân, xã B, huyện PR, tỉnh Bình Phước. Khi ly hôn, ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung. Không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn bà Lê Kim Th trình bày*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Kim Th đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Duy K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn với bà Th và xin được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Duy K về yêu cầu ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” do nguyên đơn ông Lê Duy K thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện bà Lê Kim Th có nơi đăng ký thường trú tại thôn P, xã B, huyện PR, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông Lê Kim Th vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông K, bà Th có tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 23/9/2009 tại UBND xã B, huyện PL (nay là huyện PR), tỉnh Bình Phước. Xét thấy việc kết hôn giữa ông K và bà Th là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả ông K và bà Th đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa ông K và bà Th là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của ông K và kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, ông K và bà Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K nghi ngờ bà Th có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, bất đồng quan điểm sống cũng như việc làm ăn kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp được. Mâu thuẫn lên tới đỉnh điểm dẫn đến vợ chồng ly thân, không còn chung sống với nhau nữa, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù gia đình nội ngoại hai bên biết và khuyên ngăn nhưng vợ chồng vẫn không có giải pháp gì khắc phục được, không thể đoàn tụ được nữa. Tòa án đã thông báo về việc thu lý vụ án nhưng bà Th không có văn bản trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của ông K cũng như trình bày về tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, đời sống hôn nhân của ông K, bà Th mâu thuẫn trầm trọng, cả ông K, bà Th đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của ông K được ly hôn với bà Th là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông K và bà Th có 02 con chung là cháu Lê Thị Kim A, sinh ngày 13/5/2010; cháu Lê Thị Bảo Ng, sinh ngày 26/01/2015. Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Hiện nay cháu Kim A và cháu Bảo Ng còn nhỏ, đang sống với ông K và bố mẹ ruột của ông K tại thôn P, xã B, huyện PR, tỉnh Bình Phước và ông K cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi con; trong khi đó bà Th không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của ông K về con chung. Do đó cần tiếp tục giao 02 con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông K không yêu cầu bà Thảo cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PR tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Lê Duy K phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Duy K.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Duy K được ly hôn với bà Lê Kim Th.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Duy K và bà Lê Kim Th chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Kim A, sinh ngày 13/5/2010; cháu Lê Thị Bảo Ng, sinh ngày 26/01/2015 cho ông Lê Duy K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết ông Lê Duy K, bà Lê Kim Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Án phí: Ông Lê Duy K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011590, quyền số 0232 ngày 22/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PR, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường

